TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 15-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân quận K và điểm cầu thành phần là Trại tạm giam Công an thành phố H, Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Ngô Văn T, sinh năm 1989 tại H. Nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn V (đã chết) và bà Mạc Thị V; chưa có vợ, con; tiền án:

+ Tại bản án số 128/2009/HSST ngày 17/9/2009, Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Q xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2009. Bị can phải hoàn trả cho chị Vũ Thị D số tiền 400.000 đồng, nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 13/01/2015 đã thi hành xong khoản án phí, chưa thi hành khoản tiền hoàn trả cho chị D.

+ Tại bản án số 58/2014/HSST ngày 08/4/2014, Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Q xử phạt 08 năm tù về tội Hiếp dâm, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2013. Bị can phải bồi thường cho chị Đặng Thị S số tiền 8.000.000 đồng, nộp 200.000

đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 23/11/2021 bị can S chấp hành xong hình phạt tù. Bị can nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự ngày 13/01/2015, chưa thi hành khoản tiền bồi thường cho chị Sinh.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 17/2006/HSST ngày 31/8/2006, Toà án nhân dân huyện V , tỉnh L xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội vận chuyển tiền giả, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án, án phí 50.000 đồng. Ngày 09/4/2007 đã thi hành xong khoản án phí.

+ Tại bản án số 65/2007/HSST ngày 07/6/2007, Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh Q và Bản án số 172/HSPT ngày 01/8/2007 Toà án nhân dân tỉnh Q xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị can phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, ngày 15/7/2008 đã thi hành xong khoản án phí.

+ Ngày 03/01/2024, Thắng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, thành phố H khởi tố vụ án, bị can về tội Trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 03/10/2023.

Bị tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 15/12/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Tẩn Thị M, sinh năm 1998; nơi đăng ký thường trú: Xã Ngam L, huyện Y, tỉnh H; nơi sinh sống: Số Yđường T , phường TM, quận K, thành phố H; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:* Bà Vũ Thị Thu Trang – Công chức Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 03/12/2023, Ngô Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, Biển kiểm soát Z đi từ nhà tại thôn K, xã M, huyện A, thành phố H đến khu vực dãy nhà trọ số Y đường T, phường TM, quận K, thành phố H với mục đích xem ai có sơ hở trong việc quản lý tài sản thì sẽ trộm cắp. Khi đến dãy nhà trọ, T thấy chị Tẩn Thị M ra mở cổng và đi ra ngoài nên T đã điều khiển xe mô tô đi xe vào trong sân của dãy nhà trọ. Quan sát thấy không có ai, T xuống xe mô tô đi bộ đến phòng trọ đầu tiên (hướng từ ngoài sân vào, là phòng trọ của chị M), T kiểm tra thấy cửa khép hờ, không khoá nên đã đi thẳng vào trong phòng. Quan sát thấy 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc điện thoại nhãn

hiệu Iphone 6 Plus màu vàng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 10 màu tím của chị M đang cắm sạc để trên giường ngủ trong phòng trọ, T đi lại gần, dùng tay trái cầm hai chiếc điện thoại đồng thời tay phải rút dây sạc rồi sau đó đút cả hai chiếc điện thoại vào túi quần phía trước bên trái đang mặc. Sau đó, T nhanh chóng tẩu thoát và đi thẳng về nhà.

Ngày 06/12/2023, khi biết hành vi trộm cắp tài sản của mình bị phát hiện, T đã đến Công an quận K để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên đồng thời giao nộp 02 chiếc điện thoại di động đã chiếm đoạt được của chị Mây và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Biển kiểm soát Z màu xanh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐGTS ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận K kết luận: *"01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng có giá 800.000 (tám trăm nghìn) đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 10 màu tím có giá 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản đến thời điểm bị xâm hại có giá 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng*.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tiến hành trả 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 10 màu tím cho bị hại là chị M. Chị M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 29/CT- VKSKA ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H đã truy tố Ngô Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản

cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với xã hội, làm lại cuộc đời, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với vật chứng thu giữ; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ ngày 03/12/2023, tại khu vực dãy nhà trọ số Y đường T, phường TM, quận K, thành phố H, Ngô Văn T đã lợi dụng sơ hở của chị Tẩn Thị M trong việc quản lý tài sản nên đã lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 10 màu tím của chị M, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng. Bị cáo là người có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Do bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "*Tái phạm nguy hiểm"* là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã *"thành khẩn khai báo"* nên

được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Xét nhân thân bị cáo thấy nhiều lần bị Tòa án kết án, ngày 03/01/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, thành phố H khởi tố về tội Trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 03/10/2023, mặc dù các tiền án này đã được xóa, hành vi trộm cắp tài sản ngày 03/10/2023 chưa giải quyết xong, nhưng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét vấn đề này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây nên, căn cứ quy định pháp luật hình sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích hợp và cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã trả 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 10 màu tím cho bị hại là chị M nên Hội đồng xét xử không phải xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã xác minh về nguồn gốc của chiếc xe mô tô Biển kiểm soát Z mà T điều khiển sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản: Đăng ký xe mang tên anh Trần Văn C sinh, năm 1970, nơi cư trú: Số G phố C, phường H, quận H, thành phố H. Năm 2022, anh C đã bán chiếc xe này cho một cửa hàng mua bán xe máy ở trung tâm thành phố H. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1966, nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố H là người mua bán ngay tình lại chiếc xe môtô nói trên rồi cho T mượn. Tuy nhiên, do anh G chưa cung cấp được giấy tờ xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt chính: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Bị cáo Ngô Văn T phải nộp 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố H;
- Cơ quan CSĐT Công an quận K;
- Trại tạm giam Công an TP. H;
- TAND thành phố H;
- Cơ quan THAHS Công an quận K;
- Phòng PV06 - Công an TP. H;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình